TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2017
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Nhi

2. Ông Dương Ánh Minh

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Lăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2017 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2017/QĐST – HNGĐ ngày 19/7/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2017/QĐST-HN ngày 04/8/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Phan Thị C, sinh năm 1966 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp K, xã P, huyện M, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Lê Văn K, sinh năm 1968 (Vắng không lý do)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh B.

Nơi cư trú: ấp K, xã P, huyện M, tỉnh B.

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị C trình bày: Vào năm 1986 chị C và anh Lê Văn Ktìm hiểu nhau rồi tiến đến sống chung, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn được một năm thì anh K và chị C về sống tại ấp K, xã P, huyện M, tỉnh B. Anh chị sống hạnh phúc được một năm thì mất hạnh phúc, nguyên nhân do anh K không lo làm ăn, thường xuyên ăn chơi, uống rượu và chửi bới chị C. Chị C và anh K sống ly thân từ năm 1989 cho đến nay. Nay chị C cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh K.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Không có

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "*Xin ly hôn"* theo quy định tại Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn anh Lê Văn K có hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã L, huyện C, tỉnh B và đăng ký tạm trú tại ấp K, xã P, huyện M nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc. Anh Lê Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh K là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Phan Thị C và anh Lê Văn K sống chung vào ngày 25 tháng 12 năm 1986 âm lịch trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị C, chị C cho rằng nguyên nhân vợ chồng mất hạnh phúc là do anh K không lo làm ăn, thường xuyên ăn chơi, uống rượu và chửi bới chị C. Anh Lê Văn K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên công khai chứng cứ và hòa giải và thông báo giao nộp chứng cứ về ý kiến của anh K về việc chị C xin ly hôn nhưng anh K vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến về yêu cầu của chị C. Hội đồng xét xử xét thấy anh K không có thiện chí muốn hòa giải để khắc phục nguyên nhân mất hạnh phúc để về đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc. Xét thấy nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị C và anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị C là có căn cứ nhưng chị C và anh K không có đăng ký kết hôn nên không công nhận chị C và anh K là vợ chồng.

[3] Con chung: Không có nên không đề cập.

[4] Về tài sản chung và về nợ chung: Chị Phan Thị C trình bày không có nên không xem xét.

[5] Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, chị Phan Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị C.

Không công nhận chị Phan Thị C và anh Lê Văn K là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Không có nên không đề cập.

3. Về tài sản chung và về nợ chung: chị C trình bày không có nên không xem xét.

4. Chị Phan Thị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu 0008401 ngày 14/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, chị C không phải nộp thêm.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thị Hồng Thúy